

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 541/2023/DS-PT

Ngày: 08-11-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 308/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 742/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1980;

Nơi cư trú: số B, L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Hồ Thị N** - sinh năm 1976;

Nơi cư trú: số E khu phố F, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

*Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1971;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2023)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: ấp A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

(Theo giấy ủy quyền ngày 09/6/2023)

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị T.

* Người làm chứng: chị Châu Thị T1, sinh năm 1968

Nơi cư trú: số H thành phố T, tỉnh Long An

(Có mặt chị N, chị L, chị T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo án sơ thẩm:**

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Do có quan hệ chị T là dì của chồng chị H, nên chị H có cho chị T vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/01/2015, chị T vay 120.000.000 đồng, không nói thời gian trả vốn, lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng, trả lãi vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, số tiền này chị T trả lãi đến tháng 3/2018 thì ngưng, chưa trả vốn.

Lần 2: Ngày 29/02/2016, chị T vay tiếp 100.000.000 đồng, không nói thời gian trả vốn, lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng, trả lãi vào ngày 29 dương lịch hàng tháng, số tiền này chị T cũng trả lãi đến tháng 3/2018 thì ngưng, chưa trả vốn.

Lần 3: Ngày 09/12/2017, chị T vay tiếp 150.000.000 đồng, trong thời hạn là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 3.000.000 đồng/tháng, trả lãi vào ngày 09 dương lịch hàng tháng, số tiền này chị T cũng trả lãi đến tháng 3/2018 thì ngưng, chưa trả vốn.

Từ tháng 4/2018 thì chị T ngưng trả lãi của các phần tiền vay, nên đến tháng 6/2020 chị T gộp trả lãi 1 lần là 100.000.000 đồng và đến tháng 01/2023 trả tiếp lần lãi 100.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 200.000.000 đồng.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị T trả lại số tiền nợ gốc 3 lần vay là 370.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 4/2018 cho đến ngày Tòa xét xử trừ lại số tiền lãi 200.000.000đ đã nhận, trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đại diện theo ủy quyền là chị Ngô Thị L trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 13/6/2023.*

Chị Nguyễn Thị T có vay của chị H 03 lần tiền để làm vốn mua bán lúa gạo, với thời gian và số vốn gốc như chị H trình bày theo đúng như 03 giấy hợp đồng vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Về tiền vốn gốc chị T đã trả cho chị H 02 lần, cụ thể: lần 1 vào tháng 9/2020 trả 100.000.000đ, lần 2 vào ngày 16/01/2023 trả 100.000.000đ. Về số tiền lãi, chị T đã trả lãi đầy đủ cho chị H theo thỏa thuận đến tháng 9/2019 thì ngưng không trả lãi nữa. Vậy số tiền chị T còn nợ lại chị H là 170.000.000đ vốn gốc và tiền lãi từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị T chỉ đồng ý trả tiếp 170.000.000đ tiền vốn gốc. Về tiền lãi, chị yêu cầu tính lãi theo pháp luật quy định theo 3 mốc thời gian như sau: Đối với số tiền gốc 370.000.000đ tính lãi từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2020, số tiền 270.000.000đ tính lãi từ tháng 10/2020

đến tháng 01/2023 và số tiền 170.000.000đ tính lãi từ tháng 02/2023 đến nay. Số tiền lãi chị T đã đóng cho chị H từ lúc vay đến tháng 9/2020 theo thỏa thuận trong biên nhận chị L không yêu cầu phải tính lại. Các lần trả tiền vốn và lãi cho chị H, chị T đều không kêu chị H làm giấy biên nhận tiền.

** Người làm chứng Châu Thị T1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2023.*

Chị T1 là bạn bè với chị T, chị biết chị T có vay tiền của chị H thông qua lời kể của chị T và chị có nghe chị T nói đã trả 02 lần tiền cho chị H mỗi lần là 100.000.000 đồng. Sau đó, chị có nghe chị T điện thoại nói chuyện với chị H là “cho dì trả tiền vốn, còn tiền lãi thì khi nào trả hết vốn sẽ trả tiền lãi, nếu có tính tiền lãi thì tính theo lãi suất ngân hàng”. Ngoài ra, chị không nghe chị H trả lời gì thêm và cũng không nhớ rõ là cuộc nói chuyện này xảy vào ngày nào.

** Tại biên bản hòa giải thành ngày 13/6/2023:* Chị Hồ Thị N đại diện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H và chị Ngô Thị L đại diện cho bị đơn Nguyễn Thị T thống nhất chị Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ vốn và lãi là 430.000.000 đồng (gồm 170.000.000 đồng tiền vốn gốc và 260.000.000 đồng tiền lãi), trả làm một lần vào ngày 13/7/2023, thực hiện tại Chi cục Thi hành án huyện Chợ Gạo.

Ngày 16/6/2023, chị Ngô Thị L có văn bản thay đổi ý kiến đã thỏa thuận tại biên bản hòa giải thành ngày 13/6/2023. Chị L yêu cầu điều chỉnh lại toàn bộ lãi suất theo quy định pháp luật theo từng mốc thời gian vay cho đến nay. Chị Hồ Thị N cũng có văn bản trình bày ý kiến yêu cầu Tòa giải quyết điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Hồ Thị N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện là yêu cầu chị T trả cho chị H số vốn gốc 370.000.000 đồng và yêu cầu điều chỉnh lãi lại theo từng mốc thời gian và mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định, chị N chấp nhận tính lãi theo số ngày cho tròn tháng theo từng mốc thời gian và tính tròn số tiền lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị Ngô Thị L trình bày: Chị L thừa nhận chị T có vay của chị H 370.000.000 đồng vốn gốc, nhưng đã trả được 200.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 170.000.000 đồng. Chị L yêu cầu điều chỉnh lại toàn bộ tiền lãi theo mốc thời gian và mức lãi suất từng thời điểm Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành đến thời điểm trả lãi cuối cùng để trừ tiền lãi thừa vào vốn gốc cho bị đơn; và chị L cũng đồng ý tính lãi cho tròn tháng và tròn số tiền lãi.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 308/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476*

Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ vay gốc là 332.510.000 đồng và nợ lãi là 153.256.000 đồng, tổng cộng là 485.766.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị T phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 24/8/2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T – bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 308/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự thống nhất với nhau, bà T trả cho bà H tổng số tiền vốn và lãi là 430.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận áp dụng khoản 2 Điều 308 sửa một phần bản án sơ thẩm về thời gian thực hiện nghĩa vụ trả tiền không thỏa thuận được thì thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị T trả tiền vay còn nợ là 370.000.000 đồng và tiền

lãi, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị H với bị đơn chị T là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 24/8/2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T – chị Ngô Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu xem xét lại việc tính lãi quá hạn đối với hai biên nhận ngày 24/01/2015 và 29/2/2016 và số tiền trả 200.000.000 đồng là trả vốn..

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị T:

Căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 24/01/2015 chị T vay 120.000.000 đồng, giấy biên nhận nợ ngày 29/02/2016 chị T vay 100.000.000 đồng và giấy biên nhận nợ ngày 09/12/2017 chị T vay 150.000.000 đồng, do chị H nộp kèm đơn khởi kiện thể hiện chị T có vay của chị H tổng số tiền 370.000.000 đồng; các giấy biên nhận này có chữ ký tên của chị T và đại diện bị đơn cũng thừa nhận bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền này; nên căn cứ vào khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Án sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 24/01/2015 đến 24/01/2017 theo mức lãi suất 1,125% là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, từ ngày 24/2/2017 đến ngày 29/7/2023 theo mức lãi suất 1,66% tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Án sơ thẩm không tính lãi suất quá hạn, do đó bị đơn kháng cáo cho rằng án sơ thẩm tính lãi quá hạn đối với hai biên nhận ngày 24/01/2015 và 29/2/2016 là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo xem xét số tiền 200.000.000 đồng trả vào tháng 09/2020 và ngày 16/01/2023 là số tiền trả vốn. Tại biên bản hòa giải thành ngày 13/6/2023 đại diện nguyên đơn cũng thống nhất cho bị đơn trả số tiền nợ vốn và lãi là 430.000.000 đồng (gồm 170.000.000 đồng tiền vốn gốc và 260.000.000 đồng tiền lãi), đại diện nguyên đơn đã trình bày số tiền vốn còn lại là 170.000.000 đồng, như vậy đại diện ủy quyền của nguyên đơn đã thống nhất là số tiền bị đơn trả 200.000.000 đồng là trả vốn, sau đó tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn lại thay đổi cho rằng đó là trả lãi là không có căn cứ để chấp nhận. Nếu xét số tiền 100.000.000 đồng trả vào tháng 09/2020 và 100.000.000 đồng trả vào ngày 16/01/2023 cho rằng trả lãi cho 3 khoản vay vốn số tiền 370.000.000 đồng là không phù hợp. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị tính số tiền 200.000.000 đồng đã trả là trả vốn và tính lại lãi suất trên số tiền vốn còn lại là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Hồ Thị N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và chị Ngô Thị L là đại diện theo ủy quyền của bị đơn

chị Nguyễn Thị T thống nhất với nhau bà T trả cho bà H tổng số tiền vốn vay và lãi là 430.000.000 đồng. Việc thỏa thuận của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về phương thức trả, thời gian trả số tiền 430.000.000 đồng hai bên không thỏa thuận được. Do đó phương thức trả, thời gian trả là do hai bên đương sự thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: do sửa án nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị T.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 308/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay và nợ lãi, tổng cộng là **430.000.000** đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị T phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 21.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại chị T 300.000 đồng tạm ứng án dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0026237 ngày 24/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo

- Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại chi H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.017.000 đồng theo biên lai thu số 0025958 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên